

Bản án số: 32/2020/HNGĐ – ST
Ngày: 28/5/2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST – HNGĐ ngày 07/5/2020, giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: Xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Mai Văn Đ, sinh năm 1981; thường trú: 31/9 đường tổ 7,8 khu phố T, phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Mai Văn Đ quen nhau khoảng mấy tháng thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/02/2007 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18, Quyền số 01.2007). Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ chung sống đến năm 2012 thì mua nhà tại địa chỉ 31/9 đường tổ 7,8 khu phố T, phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương chung sống. Chị T làm nhân viên văn phòng còn anh Đ làm công nhân, thu nhập bình quân của hai vợ chồng không đủ sống.

Hai vợ chồng sống không thực sự hạnh phúc, nguyên nhân là do trước khi đến với nhau chưa thật sự hiểu nhau nên không có tình cảm yêu đương trai gái, vợ chồng sống với nhau không phải vì tình yêu mà chủ yếu là do lòng thương hại vì trước khi đến với nhau ai cũng có những tổn thương về tình cảm. Do đó, sau khi cưới về thì vợ chồng không đồng quan điểm, thường xuyên khắc khẩu. Anh Đ hay ghen tuông vô cớ nên thường kiếm chuyện gây gổ với vợ con, thậm chí đã từng đánh chị T nhưng không gây thương tích nghiêm trọng.

Mặc dù được gia đình hòa giải và chị T đã tạo điều kiện cho anh Đ thay đổi để cùng chăm lo cho con nhưng không thành. Từ tháng 5 năm 2018 do mâu thuẫn trầm trọng nên chị T đã dọn ra ngoài sống riêng, vợ chồng không còn quan T gì đến nhau. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh Đ nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Mai Nguyễn Minh T1, sinh ngày 13/9/2008 và Mai Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14/8/2012. Hiện hai con chung đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2019 và biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2019 chị T có yêu cầu khi ly hôn chị T trực tiếp nuôi cháu T2 còn anh Đ nuôi cháu T1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 07/4/2020 chị T thay đổi ý kiến về vấn đề con chung như sau: Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Mai Văn Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Mai Văn Đ: Ngày 27/6/2019 Tòa án thụ lý vụ án Tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa chị Nguyễn Thị T và anh Mai Văn Đ. Ngày 01/7/2019, Tòa án tiến hành xác minh tại Công an phường Dĩ An, kết quả thể hiện: Anh Mai Văn Đ, sinh năm 1981 có đăng ký thường trú tại địa chỉ 31/9 đường tổ 7,8 khu phố T, phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, tuy nhiên, hiện nay anh Đ không còn cư trú tại địa chỉ trên. Ngày 09/7/2019 anh Đ có cung cấp bản tự khai thống nhất lời trình bày về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng và thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn như chị T trình bày. Anh Đ xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh Đ yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Tòa án yêu cầu anh Đ thực hiện thủ tục yêu cầu chia tài sản chung theo quy định nhưng anh Đ không thực hiện và không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Ngày 06/8/2019, chị T cung cấp địa chỉ cư trú mới của anh Đ và yêu cầu Tòa án tiến hành xác minh. Kết quả xác minh thể hiện: Anh Mai Văn Đ, sinh năm 1981 có đăng ký tạm trú và sinh sống tại địa chỉ: Phòng số 8 số nhà 3A/3 khu phố 2, phường A, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương. Ngày 27/9/2019, chị T đề nghị Tòa án chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương nơi anh Đ đang tạm trú và sinh sống để giải quyết theo thẩm quyền. Kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thị xã T ngày 18/12/2019 tại Công an phường A, thị xã (nay là thành phố T) thể hiện: Anh Mai Văn Đ, sinh năm 1981 có cư trú tại địa chỉ: 3A/3 khu phố 2, phường A, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương nhưng từ tháng 10/2019 đã chuyển đi nơi khác sinh sống, hiện không còn sinh sống tại địa chỉ trên. Ngày 07/01/2020, anh Đ có văn bản

trình bày ý kiến gửi Tòa án nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) xác định hiện đang ở thành phố Dĩ An (không có địa chỉ cụ thể) nên đề nghị chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An để giải quyết. Sau khi Tòa án thành phố Dĩ An thụ lý lại vụ án đã tiến hành xác minh tại Công an phường Dĩ An, kết quả thể hiện: Anh Mai Văn Đ, sinh năm 1981 có đăng ký thường trú tại địa chỉ 31/9 đường tổ 7,8 khu phố T, phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Chị T xác định lựa chọn Tòa án nơi anh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú để giải quyết yêu cầu ly hôn với anh Đ. Tuy nhiên, quá trình tố tụng, anh Đ đã được Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 27/3/2020; tham gia phiên tòa vào các ngày 07/5/2020 và ngày 28/5/2020 nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

- Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tại Hội liên hiệp phụ nữ phường Dĩ An, thành phố Dĩ An thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường Dĩ An không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Mai Văn Đ. Đồng thời, Hội không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó, không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào.

- Kết quả xác minh tại Công an phường Dĩ An thể hiện: Anh Mai Văn Đ, sinh năm 1981 có đăng ký thường trú tại địa chỉ: 31/9 đường tổ 7,8 khu phố T, phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân, chị T và anh Đ có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng, anh Đ không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp lời khai và chứng cứ về quan hệ hôn nhân nên có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh Đ là trầm trọng, chị T có yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Về con chung, chị T có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay con chung đang chung sống với chị T. Anh Đ vắng mặt, không trình bày ý kiến về vấn đề nuôi con và việc cấp dưỡng nên yêu cầu của chị T về vấn đề nuôi dưỡng con chung là có căn cứ. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị T khởi kiện anh Mai Văn Đ yêu cầu được ly hôn. Căn cứ biên bản xác minh tại Công an phường Dĩ An thể hiện: Anh Mai Văn Đ, sinh năm 1981 có đăng ký thường trú tại địa chỉ: 31/9 đường tổ 7,8 khu phố T, phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, chị T xác định đây là nơi cư trú cuối cùng của anh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Mai Văn Đ để tham gia phiên tòa vào các ngày 07/5/2020 và ngày 28/5/2020 nhưng anh Đ vắng mặt không rõ lý do. Ngày 27/3/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T nộp đơn từ chối hòa giải và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Mai Văn Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/02/2007 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18, Quyền số 01.2007) nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được với nhau và yêu cầu được ly hôn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh Mai Văn Đ đến làm việc, tại bản tự khai ngày 07/9/2019, anh Đ cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn khả năng đoàn tụ. Mặc dù, Tòa án cũng đã triệu tập anh Đ đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ vắng mặt. Vì vậy, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị T và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định của Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Mai Văn Đ có 02 con chung là cháu Mai Nguyễn Minh T1, sinh ngày 13/9/2008 và Mai Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14/8/2012. Hiện nay các cháu đang sống chung với chị T. Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2019 và biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2019 chị T có yêu cầu khi ly hôn chị T trực tiếp nuôi cháu T2 còn anh Đ nuôi cháu T1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 07/4/2020 chị T thay đổi ý kiến về vấn đề con chung như sau: Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Mai Văn Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 07/9/2019, anh Đ có nguyện vọng nuôi cháu T1, giao cháu T2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, thực tế từ trước đến nay hai cháu T1 và T2 đều do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu về nuôi con của chị T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em sau khi ly hôn cần giao con chung tên Mai Nguyễn Minh T1 và Mai Nguyễn Minh T2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Lời khai trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị T xác định chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Mai Văn Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự

định đoạt của đương sự nên ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Mai Văn Đ (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18, Quyển số 01.2007 do Ủy ban nhân dân xã Trúc Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/02/2007).

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Mai Nguyễn Minh T1, sinh ngày 13/9/2008 và Mai Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14/8/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu anh Mai Văn Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T và anh Mai Văn Đ đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Mai Văn Đ lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Nguyễn Thị T nuôi con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0028804 ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (1);
- UBND xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thắm